

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2015**

Thái Bình, tháng 05 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7-8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Qué	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.

Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 05 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp trà lý, xã Tây Lương, Tiên Hải, Thái Bình

Tel: 0363.683.162 Fax: 0363.683.162

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý I.2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53,542,937,451	43,894,950,835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		819,351,141	525,736,746
1. Tiền	111		819,351,141	525,736,746
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,092,003,321	18,284,664,823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		12,296,003,321	4,503,664,823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13,796,000,000	13,781,000,000
III. Hàng tồn kho	140		21,893,194,051	21,000,051,082
1. Hàng tồn kho	141		21,893,194,051	21,000,051,082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,738,388,938	4,084,498,184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,088,388,938	434,498,184
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		3,650,000,000	3,650,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30,642,335,658	31,176,652,725
I. Tài sản cố định	220		10,483,779,656	10,978,496,796

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý - xã Tây Lương - huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình

1. Tài sản cố định hữu hình	221		10,483,779,656	10,978,496,796
- Nguyên giá	222		15,369,491,443	15,711,438,943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,885,711,787)	(4,732,942,147)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20,000,000,000	20,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		158,556,002	198,155,929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		158,556,002	198,155,929
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84,185,273,109	75,071,603,560
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26,944,464,469	18,929,631,405
I. Nợ ngắn hạn	310		26,944,464,469	18,929,631,405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		11,898,718,446	6,725,127,153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13,721,978,396	11,333,387,406
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,229,939,542	802,505,186
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		93,828,085	68,611,660
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57,240,808,640	56,141,972,155
I. Vốn chủ sở hữu	410		57,240,808,640	56,141,972,155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52,500,000,000	52,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52,500,000,000	52,500,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4,740,808,640	3,641,972,155

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Cụm Công nghiệp Trà Lý - xã Tây Lương - huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình

- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3,641,972,155	2,638,380,498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,098,836,485	1,003,591,657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84,185,273,109	75,071,603,560

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2015

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Ty

Vũ Thị Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp trà lý, xã Tây Lương, Tiên Hải, Thái Bình

Tel: 0363.683.162 Fax: 0363.683.162

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ I.2015**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8,940,084,302	4,713,336,295	8,940,084,302	4,713,336,295
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8,940,084,302	4,713,336,295	8,940,084,302	4,713,336,295
4. Giá vốn hàng bán	11		7,071,098,625	3,918,888,920	7,071,098,625	3,918,888,920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		1,868,985,677	794,447,375	1,868,985,677	794,447,375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		388,084	503,555	388,084	503,555
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		66,949,867	74,363,665	66,949,867	74,363,665
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		316,179,570	437,732,080	316,179,570	437,732,080

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý - xã Tây Lương - huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình

11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1,486,244,324	282,855,185	1,486,244,324	282,855,185
12. Thu nhập khác	31		100,000,000	-	100,000,000	-
13. Chi phí khác	32		177,479,600	-	177,479,600	-
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(77,479,600)	-	(77,479,600)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,408,764,724	282,855,185	1,408,764,724	282,855,185
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		309,928,239	70,713,796	309,928,239	70,713,796
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		1,098,836,485	212,141,389	1,098,836,485	212,141,389
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Ty

Vũ Thị Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp trà lý, xã Tây Lương, Tiên Hải, Thái Bình

Tel: 0363.683.162 Fax: 0363.683.162

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT
QUÝ I.2015**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,408,764,724	282,855,185
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		152,769,640	415,727,283
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(100,000,000)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,461,534,364	698,582,468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8,117,266,737)	2,769,167,220
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(893,142,969)	(374,968,202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8,014,833,064	(118,103,077)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(614,290,827)	(213,712,030)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý - xã Tây Lương - huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình

- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(148,333,105)	2,760,966,379
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		341,947,500	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		441,947,500	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý - xã Tây Lương - huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		293,614,395	2,760,966,379
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		525,736,746	773,806,820
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		819,351,141	3,534,773,199

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Ty

Vũ Thị Hằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 30/07/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần(VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<u>Cộng</u>	<u>1.745.400</u>	<u>17.454.000.000</u>	<u>49,87</u>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2015 là 144 người (tại 31/12/2014 là 144 người).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2013 và không thấy có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/03/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 – 15
Máy móc thiết bị	11 – 12

Các khoản trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Tiền mặt	2.360.906.925	520.714.052
Tiền gửi ngân hàng	1.173.866.274	5.022.694
	<u>3.534.773.199</u>	<u>525.736.746</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Công ty cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	1.493.787.500	1.493.787.500
Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Thiên An Sơn	7.802.474.717	460.138.719
Công ty cổ phần Đầu tư Tân Phú	131.616.903	201.586.103
Các đối tượng khác	1.334.059.578	814.087.878
	<u>12.296.003.321</u>	<u>4.503.664.823</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	903.246.883	1.506.424.211
Hàng hóa	4.454.167.662	4.429.203.656
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.535.779.506	15.064.423.215
	<u>21.893.194.051</u>	<u>21.000.051.082</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
Mua trong năm	-	-	-	-
Ghi tăng do XDCB	-	-	-	-
Thanh lý tài sản	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
Tại ngày 31/03/2015	7.454.066.769	2.876.147.186	5.039.277.488	15.369.491.443
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147

Khấu hao trong kỳ	60.468.587	130.639.110	126.129.842	317.237.540
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(164.467.900)	-
Tại ngày 31/03/2015	1.542.416.606	1.414.679.666	1.928.615.514	4.885.711.786
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
<u>Tại ngày 01/01/2015</u>	<u>1.481.948.019</u>	<u>1.284.040.556</u>	<u>1.966.953.572</u>	<u>4.732.942.147</u>
<u>Tại ngày 31/03/2015</u>	<u>5.911.650.163</u>	<u>1.461.467.520</u>	<u>3.110.661.974</u>	<u>10.483.779.657</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>31/03/2015</u>
	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (*)	20.000.000.000
	<u>20.000.000.000</u>

Ghi chú: (*) Theo Quyết định Đại hội đồng quản trị số 156 và 157/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 và Biên bản hội đồng quản trị số 1021/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiến Trung quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình với số vốn góp là 10.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình.

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH thương mại và vận tải Thái Thiện	1.651.660.895	1.651.660.895
Công ty TNHH Hiền Anh	543.219.300	1.050.069.300
Nguyễn Thị Huế	1.189.210.000	1.189.210.000
Công ty TNHH Thép Hoàng Đạo	1.854.682.385	1.099.954.878
Khác	6.659.945.866	1.734.232.080
	<u>11.898.718.446</u>	<u>6.725.127.153</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	299.753.271	182.247.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	925.609.430	615.681.191
Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	<u>1.229.939.542</u>	<u>802.505.186</u>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
Số dư ngày 01/01/2015	<u>52.500.000.000</u>	<u>3.641.972.155</u>	<u>56.141.972.155</u>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lãi kinh doanh	-	1.098.836.485	1.098.836.485
- Tăng khác	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2015	<u>52.500.000.000</u>	<u>4.740.808.640</u>	<u>57.240.808.640</u>

Vốn điều lệ		Vốn đã góp tại Cuối kỳ <u>VND</u>	Vốn đã góp tại Đầu kỳ <u>VND</u>
	<u>Tỉ lệ %</u>		
Hoàng Văn Ty	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Xuân Khoa	17.1%	9.000.000.000	9.000.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	9.5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mên	5.2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	4.8%	2.500.000.000	2.500.000.000
Nguyễn Văn Nam	4.6%	2.400.000.000	2.400.000.000
Nguyễn Thị Linh	3.8%	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Văn Vân	3.0%	1.600.000.000	1.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	33.4%	17.456.000.000	17.456.000.000
	<u>100%</u>	<u>52.500.000.000</u>	<u>52.500.000.000</u>

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2015	Quý I/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	690.329.454	626.655.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.249.754.848	4.086.680.718
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	<u>8.940.084.302</u>	<u>4.713.336.295</u>

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I/2015	Quý I/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	507.428.054	435.580.881
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.563.670.571	3.483.308.039
	<u>7.071.098.625</u>	<u>3.918.888.920</u>

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2015	Quý I/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	388.084	503.555
	<u>388.084</u>	<u>503.555</u>

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý I/2015	Quý I/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.408.764.724	282.855.185
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.408.764.724	282.855.185
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	309.928.239	70.713.796
Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	1.098.836.485	212.141.389

17. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý I/2015 của Công ty.

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Lập, ngày 12 tháng 05 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Ty

Vũ Thị Hằng